

CÔNG TY TNHH NATURE FOREST VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NATURE FOREST VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NATURE FOREST VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108678714

3. Ngày thành lập: 03/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 65 phố Tư Đình, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610(Chính)
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
7.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
8.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
9.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
17.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
18.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
19.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
20.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732

21.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện dân dụng,	2790
22.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị, máy công nghiệp (Mô tơ, cáp điện, máy nén khí, máy bơm nước, máy sấy khí, bình chịu áp lực và các phụ kiện khác)	2813
23.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
24.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động Chi tiết: Sản xuất thiết bị, máy công nghiệp (hộp giảm tốc và các phụ kiện khác)	2814
25.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
26.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
27.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất phụ tùng thiết bị, máy móc phục vụ cho công nghiệp, xây dựng và dân dụng;	2829
31.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
32.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
33.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
34.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
35.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
36.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
37.	Xây dựng nhà để ở	4101
38.	Xây dựng nhà không để ở	4102
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và khu đô thị	4299
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp ráp phụ tùng thiết bị, máy móc phục vụ cho công nghiệp, xây dựng và dân dụng;	4329
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659

45.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không gồm hoạt động sàn giao dịch điện tử, kinh doanh đa cấp)	4791
46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
47.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá)	4610
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./	8299

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐÀU LÂN HÙNG	Số 18 Hoàng Mai Tổ 15, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	495.000.000	33,000	013039509	
2	TRẦN THỊ NHUNG	Thôn Sơn Khê, Xã Thái Thịnh, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	510.000.000	34,000	142526096	
3	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Thôn Ngọc Hòa, Xã Vĩnh Hòa, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	495.000.000	33,000	142605392	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/06/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142526096

Ngày cấp: 02/10/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Sơn Khê, Xã Thái Thịnh, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *HH2B Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội